

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Diễm Phúc.
2. Ông Phạm Việt Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TM, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống anh T thường hay uống rượu về nhà đánh đập vợ con. Mặc dù chị cố gắng khuyên anh T sửa chữa nhằm mục đích sống hạnh phúc, hòa thuận, đồng vợ đồng chồng để lo cho tương lai của con nhưng anh T vẫn không khắc phục, sửa chữa và anh T bỏ nhà đi gần 03 năm nay không về chung sống cũng không quan tâm, lo lắng cho vợ con. Nay chị xét thấy sống với nhau không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 06/7/2001 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập 02 lần tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B xác định anh chị kết hôn năm 1999 và đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Đối với anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến nay không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện của chị B. Ngoài ra, anh T đều vắng mặt trong hòa giải và xét xử vụ án. Điều này cho thấy anh T chấp nhận lời trình bày của chị B là đúng về điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B thì thấy rằng: chị và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị B và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 06/7/2001 hiện cho chị B nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân đến nay vẫn đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường. Mặt khác, cháu Như Y có nguyện vọng được sống với chị B. Do đó, cần giao cháu Như Y cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị B xác định không có. Đối với anh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung như chị B trình bày. Do đó, có cơ sở cho rằng chị B và anh T không đặt ra yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 06/7/2001 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng, chị B dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008952 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên